

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2025
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Lục

Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 130/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H2 (M); Địa chỉ: E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Chức vụ: Tổng giám đốc M; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng - Ngân hàng M.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung H sinh năm 1988, ông Trần Mạnh H1; bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Ngọc A - Chức vụ: Cán bộ - Ngân hàng M (Ông H có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2024 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP H2 – Bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Ngày 20/09/2022, Ngân hàng TMCP H2 (M) - Chi nhánh V1 (Gọi tắt tắt Ngân hàng M) đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB với Bà Bùi Thị Thu N. Hạn mức thẻ tín dụng là: 10.000.000 đồng. Ngày 20/09/2022, Ngân hàng M và Bà Bùi Thị Thu N đã ký Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/09/2022, nội dung Hợp đồng là Ngân hàng cho bà N với số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Ngân hàng M hạch toán giải ngân tiền vay thực tế theo các chứng từ của M. Lãi suất cho vay: Được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng M đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, giải ngân cho bà N vay tiền theo Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 với số tiền 290.000.000 đồng gốc và thẻ tín dụng phát sinh trong kỳ là 4.703.187 đồng. Tuy nhiên, bà Bùi Thị Thu N đã thanh toán trả nợ được 69.936.839 đồng tiền nợ gốc, 62.379.014 đồng tiền lãi, và 79.327 đồng tiền lãi quá hạn. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 26/12/2022 đối với hợp đồng và ngày 10/4/2024 đối với thẻ tín dụng dẫn đến khoản nợ bị quá hạn kéo dài (quá hạn kể từ ngày 27/11/2023). Mặc dù, Ngân hàng M đã đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bà Bùi Thị Thu N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của M. Tổng dư nợ khoản vay của bà Bùi Thị Thu N tại M tạm tính đến ngày 25/03/2025 là 308.492.328 đồng (Trong đó 224.766.348 đồng gốc, lãi là 64.742.302 đồng, lãi quá hạn là 18.983.678 đồng).

Ngân hàng TMCP H2 (M) có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với bà Bùi Thị Thu N, như sau:

1. Buộc bà Bùi Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng M tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 308.492.328 đồng (Trong đó 224.766.348 đồng gốc, lãi là 64.742.302 đồng, lãi quá hạn là 18.983.678 đồng), cụ thể bao gồm: Khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 295.724.453 đồng (Trong đó 220.063.161 đồng gốc, lãi là 59.990.528 đồng, lãi quá hạn là 15.670.764 đồng).

Khoản nợ đối với khoản thẻ tín dụng cấp ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 12.767.875 đồng (Trong đó 4.703.187 đồng gốc, lãi là 4.751.774 đồng, lãi quá hạn là 3.312.914 đồng).

2. Kể từ ngày 26/3/2025, bà Bùi Thị Thu N còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng Phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2022 và Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ MSB. Cụ thể: lãi suất tính 22,5%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 và lãi suất tính 42%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với tài khoản thẻ tín dụng.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng M đã nộp tiền chi phí cho việc đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng là 10.000.000đồng. Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí đăng thông báo.

Đối với bị đơn - Bà Bùi Thị Thu N đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng bà N không đến Toà án làm việc. Xác minh tại UBND xã Đ ngày 06/11/2024 cho biết: Chị Bùi Thị Thu N có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Do làm nghề may mặc nên chị N đã thành lập công ty đặt trụ sở tại thôn A, xã Đ nhưng do làm ăn thua lỗ nên chị N đã bỏ đi làm ăn ở nơi khác và hiện nay không có mặt tại xã Đ nữa, chị N đi đâu làm gì ở đâu địa phương không rõ. Thực tế chị N nợ của rất nhiều người và địa phương cũng nghe dư luận được biết nhiều người đi tìm chị N để đòi nợ nhưng không thấy, ở xã Đ chị N không có người thân nào khác nên địa phương không liên lạc được với chị N. Về hộ khẩu thường trú: Hiện nay chị Bùi Thị Thu N có Hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngân hàng đã có đơn yêu cầu Toà án xác minh, đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị N nhưng vẫn không có tin tức của chị N hiện nay ở đâu và làm gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2025 anh Bùi Xuân C là em trai ruột của chị Bùi Thị Thu N trình bày: Anh là em trai ruột của chị Bùi Thị Thu N. Chị N hiện nay đi đâu làm gì thì anh không biết, khoảng hơn 1 năm nay thì anh cũng không liên lạc được với chị N. Đối với việc chị N vay tiền của Ngân hàng TMCP H2 thì chị vay thời điểm nào, vay bao nhiêu tiền, mục đích vay tiền để làm gì anh không biết, chị N cũng không thông báo cho anh về việc chị vay tiền của Ngân hàng TMCP H2. Anh cũng không sử dụng khoản tiền vay của chị N. Ngân hàng TMCP H2 cũng chưa bao giờ thông báo cho anh về việc chị N vay tiền của Ngân

hàng, kể cả khi Ngân hàng TMCP H2 không liên lạc được với chị N thì Ngân hàng TMCP H2 cũng không liên hệ cho anh để hỏi thông tin của chị N. Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu chị N trả nợ gốc và lãi. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án làm việc với bà N, tôi không liên quan gì đến khoản vay đó của bà N. Anh đề nghị Tòa án không báo gọi anh lên làm việc.

Xác minh tại UBND xã Đ ngày 06/11/2024 cho biết: Chị Bùi Thị Thu N đã từng ở thôn A, xã Đ do làm nghề may mặc nên chị N đã thành lập công ty đặt trụ sở tại thôn A, xã Đ nhưng do làm ăn vỡ nợ nên chị N đã bỏ đi làm ăn ở nơi khác và hiện nay không có mặt tại địa phương từ khoảng 01 năm nay, chị N làm gì và ở đâu thì địa phương không rõ. Thực tế chị N nợ tiền của rất nhiều người và họ cũng đã đi tìm chị N để đòi nợ nhưng không thấy, ở xã Đ chị N không có người thân nào khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2, khoản 4 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP - TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H2.

Buộc bà Bùi Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng M tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 308.492.328 đồng (Trong đó 224.766.348 đồng gốc, lãi là 64.742.302 đồng, lãi quá hạn là 18.983.678 đồng), cụ thể bao gồm: Khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 295.724.453 đồng (Trong đó 220.063.161 đồng gốc, lãi là 59.990.528 đồng, lãi quá hạn là 15.670.764 đồng).

Khoản nợ đối với khoản thẻ tín dụng cấp ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 12.767.875 đồng (Trong đó 4.703.187 đồng gốc, lãi là 4.751.774 đồng, lãi quá hạn là 3.312.914 đồng).

Kể từ ngày 26/3/2025, bà Bùi Thị Thu N còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng Phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2022 và Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ MSB. Cụ thể: lãi suất tính 22,5%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 và lãi suất tính 42%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với tài khoản thẻ tín dụng.

Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị Thu N phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Bùi Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng M khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu N trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, xét về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng tín dụng, mục đích của hợp đồng tín dụng, thấy việc ký kết hợp đồng giữa một bên là tổ chức tín dụng có tư cách pháp nhân và 01 bên là cá nhân, mục đích của bên vay là Tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình, nên xác tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có Hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn là bà Bùi Thị Thu N đã được Tòa án triệu tập, thông báo và niêm yết công khai hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Ngày 20/09/2022, Ngân hàng M - Chi nhánh V1 đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB với Bà Bùi Thị Thu N. Hạn mức thẻ tín dụng là: 10.000.000 đồng. Ngày 20/09/2022, Ngân hàng TMCP H2 (M) - Chi nhánh V1 đã ký Hợp đồng cho vay số: 2009/2022/HĐCV ngày

20/09/2022 với Bà Bùi Thị Thu N với số tiền vay: 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày MSB hạch toán giải ngân tiền vay thực tế theo các chứng từ của M. Lãi suất cho vay: Được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ. Việc ký Hợp đồng cho vay số: 2009/2022/HĐCV ngày 20/09/2022 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, không vi phạm điều cấm của luật; khi tham gia ký kết hợp đồng cả hai bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, việc cho vay và thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là phù hợp, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 5, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do vậy Hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N nộp được tổng số tiền đối với khoản vay là: 132.395.180 đồng, trong đó: Số tiền gốc 69.936.839 đồng; lãi trong hạn: 62.379.014 đồng; lãi quá hạn: 79.327 đồng. Đối với khoản thẻ bà N nộp được tổng số tiền là: 1.750.951 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 1.449.365 đồng; lãi quá hạn: 301.586 đồng. Kể từ ngày 26/12/2022 bà N đã vi phạm nghĩa vụ không nộp tiền lãi đúng theo cam kết, đến hạn trả nợ gốc, bà N không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng. Theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Dân sự thì bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Do vậy Ngân hàng khởi kiện đối với bà N là phù hợp với quy định pháp luật. Bản thân bà N hiện nay đã tự ý dời khỏi nơi cư trú và không thông báo cho chính quyền địa phương nên không ai biết bà N hiện nay làm gì và ở đâu. Tòa án đã đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì của bà N nên Tòa án không thể lấy được lời khai của bà N. Việc bà N nợ tiền của Ngân hàng nhưng không hợp tác trả nợ, có ý trốn tránh, làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng buộc bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 25/3/2025 là: 308.492.328 đồng (Trong đó 224.766.348

đồng gốc, lãi là 64.742.302 đồng, lãi quá hạn là 18.983.678 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất là 22,5%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 và lãi suất tính 42%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với tài khoản thẻ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Do bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu N1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã phải đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà N1, chi phí đăng thông báo là 10 triệu đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà N1 phải chịu chi phí đăng thông báo là có căn cứ. Yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $308.492.328 \text{ đồng} \times 5\% = 15.424.616 \text{ đồng}$ (được làm tròn là 15.424.000 đồng);

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H2 đối với bà Bùi Thị Thu N.

Buộc bà Bùi Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng M tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 308.492.328 đồng (Trong đó 224.766.348 đồng

gốc, lãi là 64.742.302 đồng, lãi quá hạn là 18.983.678 đồng), cụ thể bao gồm: Khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 295.724.453 đồng (Trong đó 220.063.161 đồng gốc, lãi là 59.990.528 đồng, lãi quá hạn là 15.670.764 đồng). Khoản nợ đối với khoản thẻ tín dụng cấp ngày 20/9/2022 tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là 12.767.875 đồng (Trong đó 4.703.187 đồng gốc, lãi là 4.751.774 đồng, lãi quá hạn là 3.312.914 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/3/2025) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay, bà Bùi Thị Thu N còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất là 22,5%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với Hợp đồng cho vay số 2009/2022/HĐCV ngày 20/9/2022 và lãi suất tính 42%/năm/số dư nợ gốc chưa thanh toán đối với tài khoản thẻ tín dụng.

2. Chi phí tố tụng: Buộc bà Bùi Thị Thu N phải chịu 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) tiền chi phí đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú để hoàn trả lại cho Ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Thu N phải nộp 15.424.616 đồng (được làm tròn là 15.424.000đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP H2 số tiền 6.660.000đồng (sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005157 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải